

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định xét miễn học phần và công nhận, chuyển đổi  
kết quả học tập trong chương trình đào tạo các trình độ  
của Trường Đại học Hà Nội**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

*Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 1456/NQ-HĐT ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Hà Nội;*

*Căn cứ Quy định quản lý người nước ngoài học tập tại Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Quyết định số 1897/QĐ-ĐHHN ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;*

*Căn cứ Quy chế đào tạo đại học hệ đào tạo từ xa của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Quyết định số 2411/QĐ-ĐHHN ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;*

*Căn cứ Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Quyết định số 793/QĐ-ĐHHN ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;*

*Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Quyết định số 1566/QĐ-ĐHHN ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;*

*Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Quyết định số 1055/QĐ-ĐHHN ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;*

*Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Quyết định số 1438/QĐ-ĐHHN ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;*

*Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xét miễn học phần và công nhận, chuyển đổi kết quả học tập trong chương trình đào tạo các trình độ của Trường Đại học Hà Nội.

**Điều 2:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Trưởng các đơn vị: Phòng Quản lý đào tạo, Tài chính – Kế toán, Công tác Sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.



## QUY ĐỊNH

**Xét miễn học phần và công nhận, chuyển đổi kết quả học tập trong chương trình đào tạo các trình độ của Trường Đại học Hà Nội**  
(Kèm theo Quyết định số: *3796/QĐ-ĐHHN* ngày *28* tháng *12* năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội)

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định việc miễn học phần và công nhận, chuyển đổi kết quả học tập; việc sử dụng văn bằng, chứng chỉ để xét miễn học phần hoặc công nhận chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ trong các chương trình đào tạo (CTĐT) các trình độ của Trường Đại học Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trường).
2. Quy định này áp dụng đối với người học các CTĐT các trình độ của Trường.
3. Quy định này không áp dụng đối với các CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ theo thỏa thuận liên kết đào tạo với nước ngoài của Trường.

### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

Trong phạm vi văn bản này, những thuật ngữ sau đây được giải thích như sau:

1. *Miễn học phần* là việc người học được miễn một hoặc một số số học phần trong CTĐT theo học do có kết quả học tập của học phần tương đương đã tích lũy từ một CTĐT khác của một cơ sở đào tạo (CSĐT) khác hoặc văn bằng, chứng chỉ còn thời hạn hoặc là người nước ngoài hoặc người bị thương tật, khuyết tật.
2. *Công nhận, chuyển đổi kết quả học tập* là việc sử dụng kết quả học tập đã tích lũy từ một CTĐT khác cùng trình độ của Trường hoặc của một CSĐT có ký kết thỏa thuận với Trường (đối tác của Trường) về việc công nhận, chuyển đổi kết quả học tập để công nhận, chuyển đổi kết quả học tập.

### **Điều 3. Miễn học phần**

1. Việc miễn học phần do có kết quả học tập của học phần tương đương đã tích lũy từ một CTĐT khác của một CSĐT khác thực hiện theo Phụ lục I Quy định này và phải đáp ứng các nguyên tắc sau:
  - a) Đối với trình độ đại học, kết quả học tập của học phần tương đương dùng để xét miễn học phần phải đạt từ 5,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10) đối với các CTĐT theo học chế niên chế hoặc từ 2,0 điểm trở lên (theo thang điểm 4) đối với các CTĐT theo học chế tín chỉ. Trường hợp điểm học phần được tính theo các thang điểm khác thì quy đổi theo tỷ lệ phần trăm và phải đạt từ 50% trở lên;
  - b) Đối với trình độ thạc sĩ và tiến sĩ, kết quả học tập của học phần tương đương dùng để xét miễn học phần phải đạt từ 5,5 điểm trở lên (theo thang điểm 10) đối với các

CTĐT theo học chế niên chế hoặc từ 2,0 điểm trở lên (theo thang điểm 4) đối với các CTĐT theo học chế tín chỉ. Trường hợp điểm học phần được tính theo các thang điểm khác thì quy đổi theo tỷ lệ phần trăm và phải đạt từ 50% trở lên;

c) Thời gian học được rút ngắn do được miễn học phần không vượt quá 01 năm so với thời gian quy định cho toàn khóa học.

2. Việc miễn học phần cho người học là người nước ngoài (lưu học sinh) hoặc người thương tật, khuyết tật thực hiện theo Phụ lục I Quy định này.

3. Việc miễn học phần đối với người học có văn bằng hoặc chứng chỉ còn thời hạn thực hiện theo Phụ lục II Quy định này.

4. Người học được miễn học phần nào thì được miễn học và miễn thi học phần đó.

5. Người học được miễn học phần phải nộp lệ phí theo quy định của Trường.

#### **Điều 4: Công nhận, chuyển đổi kết quả học tập**

Việc công nhận, chuyển đổi kết quả học tập thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Đối với trình độ đại học, kết quả học tập của học phần tương đương dùng xét công nhận phải đạt từ 5,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10) đối với các CTĐT theo học chế niên chế hoặc từ 2,0 điểm trở lên (theo thang điểm 4) đối với các CTĐT theo học chế tín chỉ. Trường hợp điểm học phần được tính theo các thang điểm khác thì quy đổi theo tỷ lệ phần trăm và phải đạt từ 50% trở lên.

2. Đối với trình độ thạc sĩ và tiến sĩ, kết quả học tập của học phần tương đương dùng xét công nhận phải đạt từ 5,5 điểm trở lên (theo thang điểm 10) đối với các CTĐT theo học chế niên chế hoặc từ 2,0 điểm trở lên (theo thang điểm 4) đối với các CTĐT theo học chế tín chỉ. Trường hợp điểm học phần được tính theo các thang điểm khác thì quy đổi theo tỷ lệ phần trăm và phải đạt từ 50% trở lên. Thời điểm hoàn thành học phần không quá 05 năm tính đến thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

3. Sinh viên đang học CTĐT trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) có học lực tính theo điểm TBC tích lũy xếp loại khá trở lên và các điều kiện khác do Trường quy định có thể được đăng ký học trước một số học phần của CTĐT trình độ thạc sĩ của Trường. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ.

4. Trường hợp xét chuyển đổi từ 02 học phần đã học trở lên cho 01 học phần (tổng số tín chỉ của 02 học phần này lớn hơn hoặc bằng số tín chỉ của 01 học phần thay thế) thì điểm của học phần được thay thế là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã học (trọng số là số tín chỉ hoặc số đơn vị học trình của các học phần).

5. Trường hợp xét chuyển đổi từ 01 học phần đã học cho 02 hoặc nhiều học phần (số tín chỉ của học phần này bằng tổng số tín chỉ của 02 hoặc nhiều học phần công lại) thì điểm của 02 hoặc nhiều học phần được thay thế là điểm của học phần đã học.

6. Kết quả học tập tại một CSĐT đối tác của Trường được thực hiện theo thỏa thuận hợp tác giữa Trường và CSĐT đó với điều kiện số lượng tín chỉ người học tích lũy tại CSĐT khác không quá 25% tổng khối lượng CTĐT của Trường;

7. Kết quả học tập đã tích lũy từ một CTĐT khác cùng trình độ của Trường được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo đang theo học;

8. Điểm của học phần được công nhận, chuyển đổi kết quả sẽ được tính vào TBC học kỳ, năm học và tích lũy.

9. Người học được công nhận, chuyển đổi kết quả học tập học phần nào thì được miễn học và miễn thi học phần đó.

10. Người học được công nhận, chuyển đổi kết quả học tập phải nộp lệ phí theo quy định của Trường.

#### **Điều 5. Quy trình tổ chức xét miễn học phần và công nhận, chuyển đổi kết quả học tập**

1. Trước thời điểm đăng ký học phần 02 tuần, Phòng Quản lý đào tạo ban hành thông báo và các đơn vị đào tạo tiếp nhận hồ sơ đăng ký xét miễn học phần và công nhận chuyển đổi kết quả học tập của người học.

2. Hồ sơ gồm:

- 01 Đơn đề nghị (theo mẫu tại Phụ lục IV);

- 01 bản sao hợp pháp các minh chứng sau: Văn bằng, chứng chỉ hoặc bằng kết quả học tập, giấy xác nhận khuyết tật và bản gốc để đối chiếu.

3. Đơn vị đào tạo lập danh sách người học đề xuất miễn học phần và công nhận chuyển đổi kết quả học tập gửi Phòng Quản lý đào tạo để tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng.

4. Phòng Quản lý đào tạo trình Hiệu trưởng thành lập Hội đồng xét miễn học phần và công nhận, chuyển đổi kết quả học tập của Trường. Thành phần Hội đồng xét miễn học phần và công nhận, chuyển đổi kết quả học tập gồm: Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo; đại diện lãnh đạo Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Thanh tra-Pháp chế; Trưởng/Phó Trưởng đơn vị đào tạo có liên quan; viên chức Phòng Quản lý đào tạo là thư ký Hội đồng.

5. Hội đồng xét miễn học phần và công nhận, chuyển đổi kết quả học tập của Trường tổ chức họp xét và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

Hàng năm, Hiệu trưởng thành lập Hội đồng xét miễn học phần và công nhận, chuyển đổi kết quả học tập.

Phòng Quản lý đào tạo, các đơn vị đào tạo, các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Trưởng các đơn vị báo cáo Hiệu trưởng (qua Phòng Quản lý đào tạo) để xem xét, quyết định./.

**HIỆU TRƯỞNG**



**TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
HÀ NỘI**

**Nguyễn Văn Trào**

## Phụ lục I

### ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN HỌC PHẦN

(Kèm theo Quy định Xét miễn học phần và công nhận, chuyển đổi kết quả học tập trong chương trình đào tạo các trình độ ban hành theo Quyết định số: 3796/QĐ-ĐHHN ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng)

#### 1. Đối với học phần Giáo dục Quốc phòng và An ninh (GDQP&AN)

##### a) Đối tượng được miễn học phần GDQP&AN:

- Người học có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các CSĐT quân đội, công an cấp;
- Người học đã có chứng chỉ GDQP&AN tương ứng với trình độ đào tạo.

##### b) Đối tượng được miễn các nội dung thực hành kỹ năng quân sự:

- Người học là người khuyết tật, có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;
- Người học không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện được miễn làm nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành;
- Người học đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự hoặc nghĩa vụ công an nhân dân.

#### 2. Đối với học phần Giáo dục thể chất (GDTC):

##### a) Đối tượng được miễn học phần GDTC:

- Người học đã được cấp chứng chỉ GDTC trình độ đại học;
- Người học đã hoàn thành CTĐT trình độ đại học tại các CSĐT đại học trong nước mà trong CTĐT có học phần GDTC;
- Người học đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng, đại học trở lên các ngành thuộc nhóm ngành thể dục, thể thao;
- Người học khuyết tật đặc biệt nặng có giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp.

##### b) Đối tượng được miễn một phần học phần GDTC:





- Người học bị thương tật, khuyết tật, dị tật bẩm sinh, bị các bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động, không có khả năng vận động với khối lượng và cường độ lớn có giấy chứng nhận, xác nhận của cơ quan giám định y khoa hoặc bệnh viện từ cấp huyện và tương đương trở lên;

- Người học được giải thưởng (cấp thành phố/tỉnh trở lên) về thành tích GDTC sẽ được xem xét miễn học phần tương đương nhưng phải dự thi để lấy điểm.

### **3. Đối với học phần Ứng dụng công nghệ thông tin:**

Đối tượng được miễn nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- a) Người học có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học trở lên các ngành thuộc nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin.\
- b) Người học đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên, trong CTĐT có học phần tương đương với học phần Ứng dụng công nghệ thông tin trong CTĐT của Trường.
- c) Người học có chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế (MOS) do Microsoft cấp.
- d) Người học có chứng chỉ Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quốc tế (ICDL) do European Computer Driving Licence Foundation Limited cấp.
- đ) Người học có chứng chỉ tin học IC3 do Tổ chức Tin học thế giới Certiport cấp.
- e) Người học bị khuyết tật đặc biệt nặng có giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp.

### **4. Đối với các học phần Ngữ văn Việt Nam & Lý luận chính trị:**

Người học đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên trong CTĐT có các học phần tương đương các học phần Ngữ văn Việt Nam & Lý luận chính trị trong CTĐT của Trường.

### **5. Đối với các học phần Thực hành tiếng, Ngoại ngữ 2 và Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ:**

- a) Người học được miễn học một hoặc một số học phần Thực hành tiếng nếu có chứng chỉ năng lực ngoại ngữ (CCNLNN) của ngôn ngữ được sử dụng trong đào tạo theo quy định của Trường (Phụ lục II);





b) Người học được miễn học một hoặc một số học phần Ngoại ngữ 2 nếu có CCNLNN có bậc tương đương với bậc đào tạo của học phần Ngoại ngữ 2 trong CTĐT;

c) Người học được sử dụng CCNLNN hoặc văn bằng tốt nghiệp phù hợp với yêu cầu của CTĐT để miễn CDR về ngoại ngữ;

d) Các CCNLNN được sử dụng để xét miễn học phần Thực hành tiếng, Ngoại ngữ 2, Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ có thời hạn không quá 02 năm kể từ ngày cấp.

#### **6. Đối với lưu học sinh:**

Việc miễn học phần đối với lưu học sinh thực hiện theo Quy định quản lý người nước ngoài học tập tại Trường Đại học Hà Nội, cụ thể như sau:

a) Lưu học sinh trình độ đại học được lựa chọn các học phần thay thế cho các học phần Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Giáo dục thể chất, Giáo dục chính trị và một số học phần khác giảng dạy bằng tiếng Việt với tổng số tín chỉ thay thế không vượt quá 35 tín chỉ (đối với các ngành ngôn ngữ) và không quá 27 tín chỉ (đối với các ngành dạy bằng ngoại ngữ);

b) Các học phần thay thế là các học phần tự chọn tại đơn vị đào tạo mà lưu học sinh đang theo học hoặc các học phần được giảng dạy tại Khoa Việt Nam học của Trường.



## Phụ lục II

# DANH MỤC CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ VÀ HỌC PHẦN TƯƠNG ỨNG TRONG CTĐT ĐƯỢC XÉT MIỄN HỌC PHẦN

(Kèm theo Quy định Xét miễn học phần và công nhận, chuyển đổi kết quả học tập trong chương trình đào tạo các trình độ ban hành theo Quyết định số: 3796/QĐ-ĐHHN ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng)

STT	Ngành	Loại chứng chỉ	Học phần được miễn	Ghi chú
1.	Ngôn ngữ Anh	- IELTS 7.0 (Không có kỹ năng nào dưới 6.0); - TOFEL iBT (TBC từ 95 trở lên); - C1 Advanced; - Chứng chỉ NLNN (theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam) từ bậc 5 trở lên.	Thực hành tiếng A2 và B1	Hình thức chính quy (CQ)
		- IELTS 5.5 - 6.5 (Không có kỹ năng nào dưới 5.0); - TOFEL iBT (TBC từ 65 - 94); - B2 First; - Chứng chỉ NLNN (theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam) từ bậc 4 trở lên.	Thực hành tiếng A2	Hình thức VB2, VLVH, ĐTTX
		- IELTS 7.0 (Không có kỹ năng nào dưới 6.0); - TOFEL iBT (TBC từ 95 trở lên); - C1 Advanced; - Chứng chỉ NLNN (theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam) từ bậc 5 trở lên.	Thực hành tiếng B1	
2.	Các ngành giảng dạy bằng tiếng Anh	- IELTS 6.0 (Không có kỹ năng nào dưới 5.0); - TOFEL iBT (TBC từ 72 trở lên);	Thực hành tiếng A2, B1 và B2	

		- Chứng chỉ NLNN (theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam) từ bậc 4 trở lên.		
3.	Ngôn ngữ Pháp & Truyền thông doanh nghiệp	DELF B1	Thực hành tiếng A1, A2 (NN Pháp) Thực hành tiếng A1, A2 (Ngành TTDN)	
4.	Ngôn ngữ Trung Quốc	HSK3 và HSKK trung cấp	Thực hành tiếng A1	- Các kỹ năng đạt từ 70 điểm trở lên đối với hình thức đào tạo CQ và Chất lượng cao. - Các kỹ năng đạt từ 60 điểm trở lên đối với các học phần Ngoại ngữ 2 của hình thức đào tạo CQ, VLVH, VB2, ĐTTX.
		HSK4 và HSKK trung cấp	Thực hành tiếng A1, A2	
		HSK5, HSK6 và HSKK cao cấp	Thực hành tiếng A1, A2, B1	
		HSK5, HSK6 và HSKK cao cấp	Người học CTĐT chuẩn được đăng ký học các học phần định hướng chuyên ngành nếu đã hoàn thành các học phần THT A1, A2, B1	
		HSK6 và HSKK cao cấp	Người học CTĐT CLC được đăng ký học các học phần định hướng chuyên ngành nếu đã hoàn thành các học phần THT A1, A2, B1	
5.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	TOPIK cấp độ 5, 6	Thực hành tiếng A1, A2, B1	
		TOPIK cấp độ 4	Thực hành tiếng A1 và A2	
6.	Ngôn ngữ Nhật	Năng lực tiếng Nhật (JLPT) từ cấp độ N4	Thực hành tiếng A1	
		Năng lực tiếng Nhật (JLPT) cấp độ N3	Thực hành tiếng A1, A2	
		Năng lực tiếng Nhật (JLPT) cấp độ N2, N1	Thực hành tiếng A1, A2, B1	
7.	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	DELE hoặc SIELE trình độ A1	Thực hành tiếng A1	
		DELE hoặc SIELE trình độ A2	Thực hành tiếng A1, A2	

		DELE hoặc SIELE trình độ B1	Thực hành tiếng A1, A2, B1	
8.	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	ACESSO	Thực hành tiếng A1	
		CIPLE hoặc CELPE-BRAS trình độ Intermediário	Thực hành tiếng A1, A2	
		DEPLE hoặc CELPE-BRAS trình độ Intermediário Superior	Thực hành tiếng A1, A2, B1	
		DIPLE/ DAPLE/ DUPLE hoặc CELPE-BRAS trình độ Intermediário Superior/Avancado/ Avancado Superior	Thực hành tiếng A1, A2, B1, B2	
9.	Ngôn ngữ Italia	CELI Impatto, CILS A1, CERT.IT A1, PLIDA A1	Thực hành tiếng A1	
		CELI 1, CILS A2, CERT.IT A2, PLIDA A2	Thực hành tiếng A1, A2	
		CELI 2, CILS B1, CERT.IT B1, PLIDA B1	Thực hành tiếng A1, A2, B1	
10.	Ngôn ngữ Nga	TRKI 1	Thực hành tiếng A1, A2	
		TRKI 2 / TRKI 3/ TRKI 4	Thực hành tiếng A1, A2, B1	
11.	Ngôn ngữ Đức	Chứng chỉ A1 của viện Goethe hoặc OESD	Thực hành tiếng A1	
		Chứng chỉ A2 của viện Goethe hoặc OESD Chứng chỉ DSD I (tương đương A2), Chứng chỉ DSH 1	Thực hành tiếng A2	
		Chứng chỉ B1 của viện Goethe hoặc OESD Chứng chỉ DSD I (tương đương B1)	Thực hành tiếng B1	
		Chứng chỉ B2 của viện Goethe hoặc OESD Chứng chỉ DSD II (tương đương B2) Chứng chỉ DSH 2	Thực hành tiếng B2	

		TestDaf TDN4		
		Chứng chỉ C1 của viện Goethe hoặc OESD		
		Chứng chỉ DSD II (tương đương C1)	Thực hành tiếng C1	
		Chứng chỉ DSH 3		
		TestDaf TDN5		
12.	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	Năng lực tiếng Việt trình độ A1	Thực hành tiếng A1	
		Năng lực tiếng Việt trình độ A2	Thực hành tiếng A1, A2	
		Năng lực tiếng Việt trình độ B1	Thực hành tiếng A1, A2 và B1	
		Năng lực tiếng Việt trình độ B2, C1 và C2	Thực hành tiếng A1, A2, B1 và B2	

**Ghi chú:**

- Chứng chỉ **IELTS** do Cambridge Assessment English, Hội đồng Anh và Tổ chức IDP cấp.
- Chứng chỉ **TOEFL iBT** do Tổ chức ETS (Hoa Kỳ) cấp.
- Chứng chỉ **B2 First và C1 Advanced** do Cambridge Assessment English cấp.
- Chứng chỉ **DELTA** do Tổ chức France Education International cấp.
- Chứng chỉ trình độ tiếng Trung Quốc **HSK và HSKK** do Trung tâm hợp tác giao lưu ngôn ngữ giữa Trung Quốc và nước ngoài (CLEC) cấp.
- Giấy chứng nhận kết quả đỗ Năng lực tiếng Nhật (**JLPT**) do Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản cấp.
- Giấy chứng nhận kết quả Năng lực tiếng Hàn Quốc (**TOPIK**) do Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc cấp.
- Chứng chỉ trình độ **ACESSO** do Trung tâm CAPLE của Bồ Đào Nha cấp.
- Chứng chỉ trình độ **CIPLE** do Trung tâm CAPLE của Bồ Đào Nha cấp hoặc chứng chỉ **CELPE-BRAS** trình độ **Intermediário** do Viện INEP của Braxin cấp.
- Chứng chỉ **DEPLE** do Trung tâm CAPLE của Bồ Đào Nha cấp hoặc chứng chỉ **CELPE-BRAS** trình độ **Intermediário Superior** do Viện INEP của Braxin cấp.



- Chứng chỉ **DIPLE**, **DAPLE** và **DUPLE** do Trung tâm CAPLE của Bồ Đào Nha cấp hoặc chứng chỉ **CELPE-BRAS** trình độ **Intermediário Superior**, **Avancado** và **Avancado Superior** do Viện INEP của Braxin cấp.
- Chứng chỉ **DELE** (Chứng chỉ tiếng Tây Ban Nha như ngoại ngữ) do Viện Cervantes của Tây Ban Nha cấp.
- Chứng chỉ **SIELE** do Viện Cervantes kết hợp với Trường Đại học Salamanca, Đại học Tự trị Mexico, Đại học Buenos Aires cấp.
- Chứng chỉ **CELI** do Trường Đại học dành cho Người nước ngoài Perugia (Italia) cấp.
- Chứng chỉ **CILS** do Trường Đại học dành cho Người nước ngoài Siena (Italia) cấp.
- Chứng chỉ **CERT.IT** do Trường Đại học Tổng hợp Roma 3 (Italia) cấp.
- Chứng chỉ **PLIDA** do Hội Dante Alighieri cấp.
- Giấy chứng nhận điểm TRKI do một trường đại học ở Nga hoặc một tổ chức quốc tế được công nhận cấp.
- Chứng chỉ Năng lực tiếng Việt do Trường Đại học Hà Nội và những cơ sở đào tạo đại học đã được Bộ GDĐT cấp phép tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài.
- Các chứng chỉ đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường Đại học Hà Nội và những cơ sở đào tạo đại học đã được Bộ GDĐT cấp phép tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ.





### Phụ lục III

## BẢNG CÔNG NHẬN TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ CỦA CÁC CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Kèm theo Quy định Xét miễn học phần và công nhận, chuyển đổi kết quả học tập trong chương trình đào tạo các trình độ ban hành theo Quyết định số: 3796/QĐ-ĐHHN ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng)

### 1. Chứng chỉ tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	HANU TEST	IELTS	TOEFL (IBT)	Cambridge Exam	Khung NLNN 6 bậc
B1	4.5-5.0	4.5-5.0	45 - 64	B1 Preliminary	3/6
B2	5.5-6.5	5.5-6.5	65 - 94	B2 First	4/6
C1	7.0-8.0	7.0-8.0	95 - 114	C1 Advanced	5/6
C2	8.5-9.0	8.5-9.0	115 - 120	C2 Proficiency	6/6

### 2. Chứng chỉ các ngôn ngữ khác

Cấp độ (CEFR)	Nga	Pháp	Đức	Trung Quốc	Nhật	Hàn Quốc	Tây Ban Nha	Bồ Đào Nha	Italia	Khung NLNN 6 bậc
B1	TRKI 1	DELF B1	Goethe B1 ÖSD B1 DSD I DSH 1	HSK, HSKK cấp độ 3	JLPT N4	Topik cấp 3	DELE B1 SIELE B1	DEPLE CELPE-BRAS Intermediário Superior	CELI 2, CILS B1, CERT.IT B1, PLIDA B1	3/6
B2	TRKI 2	DELF B2	Goethe B2 ÖSD B2 DSD II TestDaF TDN 4	HSK, HSKK cấp độ 4	JLPT N3	Topik cấp 4	DELE B2 SIELE B2	DEPLE CELPE-BRAS Intermediário Superior	CELI 3, CILS B2, CERT.IT B2, PLIDA B2	4/6
C1	TRKI 3	DALF C1	Goethe Zertifikat C1 ÖSD Zertifikat C1 DSH 2 TestDaF TDN 55	HSK, HSKK cấp độ 5	JLPT N2	Topik cấp 5	DELE C1 SIELE C1	DEPLE CELPE-BRAS Avancado	CELI 4, CILS C1, CERT.IT C1, PLIDA C1	5/6
C2	TRKI 4	DALF C2	Goethe Zertifikat C2 ÖSD Zertifikat C2 Telc Deutsch C2	HSK, HSKK cấp độ 6	JLPT N1	Topik cấp 6	DELE C2	DUPLE CELPE-BRAS Avancado Superior	CELI 5, CILS C2, CERT.IT C2 PLIDA C2	6/6





Phụ lục IV

MẪU ĐƠN

(Kèm theo Quy định Xét miễn học phần và công nhận, chuyển đổi kết quả học tập trong chương trình đào tạo các trình độ ban hành theo Quyết định số: 3796/QĐ-ĐHHN ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng)

Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VÀ CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP**

Kính gửi: Hội đồng xét miễn học phần và công nhận chuyển đổi kết quả học tập

Họ và tên:..... Mã sinh viên: .....

Lớp:..... Ngành:..... Khoa.....

Kính đề nghị Hội đồng xét miễn học phần và công nhận chuyển đổi kết quả học tập xét công nhận, chuyển đổi kết quả học tập cho em.

Lý do xin chuyển đổi:.....

Các minh chứng kèm theo (Quyết định, Bảng điểm): .....

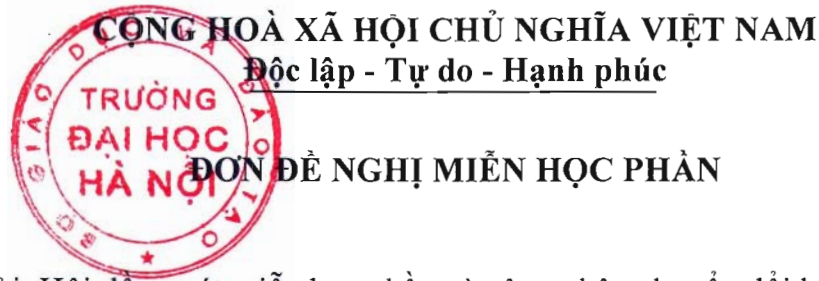
STT	Học phần xin chuyển đổi			Học phần tương đương			
	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả
1							
2							
3							
4							
5							
6							
<b>Tổng số tín chỉ được công nhận</b>						.....tín chỉ	

Em xin chân thành cảm ơn.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

**Ý KIẾN CỦA KHOA/BỘ MÔN**  
(Giảng dạy học phần tương đương)

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**



Kính gửi: Hội đồng xét miễn học phần và công nhận chuyển đổi kết quả học tập

Họ và tên: ..... Mã sinh viên: .....

Lớp:..... Ngành:..... Khoa: .....

Có Chứng chỉ ngoại ngữ: .....

Đơn vị cấp: ..... Ngày cấp: .....

*(Bản sao hợp pháp kèm theo)*

Kính đề nghị **Hội đồng xét miễn học phần và công nhận chuyển đổi kết quả học tập** xem xét cho em được miễn các học phần sau theo quy định.

STT	Học phần đề nghị miễn		
	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
<b>Tổng số học phần được miễn:</b>			

Em xin chân thành cảm ơn!

*Hà Nội, ngày tháng năm 20*

**Ý KIẾN CỦA KHOA/BỘ MÔN**  
(Giảng dạy học phần tương đương)

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN CHUẨN ĐẦU RA VỀ NGOẠI NGỮ**

Kính gửi: Hội đồng xét miễn học phần và công nhận chuyển đổi kết quả học tập

Họ và tên: ..... Mã sinh viên: .....

Lớp: ..... Ngành: .....

Khóa học: ..... Khoa: .....

Có Chứng chỉ ngoại ngữ: .....

Đơn vị cấp : ..... Ngày cấp : .....

*(Bản sao hợp pháp kèm theo)*

Kính đề nghị **Hội đồng xét miễn học phần và công nhận chuyển đổi kết quả học tập** xem xét cho em được miễn điều kiện chuẩn đầu ra.

Em xin chân thành cảm ơn!

*Hà Nội, ngày tháng năm 20*

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN CÔNG NHẬN VÀ CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP**

Kính gửi: Phòng Quản lý đào tạo  
Ban chủ nhiệm Khoa/Bộ môn

Họ và tên:..... Mã sinh viên:.....

Ngành 1:           Lớp:.....Ngành:.....Khoa:.....

Ngành 2 (nếu có) Lớp:.....Ngành:.....Khoa:.....

Em kính mong Nhà trường xét công nhận, chuyển đổi kết quả học tập cho em.

Lý do xin chuyển đổi:.....

Các minh chứng kèm theo (Quyết định, Bảng điểm): .....

*Sinh viên khai đầy đủ các mục của bảng dưới đây. Kết quả chuyển đổi tính theo điểm Hệ 10.*

STT	Học phần chuyển đổi			Học phần tương đương			
	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả
1							
2							
3							
4							
5							
6							
<b>Tổng số tín chỉ được công nhận</b>						tín chỉ	

Em xin chân thành cảm ơn.

*Hà Nội, ngày      tháng      năm 20*  
**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

**Ý KIẾN CỦA KHOA CN1**

**Ý KIẾN CỦA KHOA CN2**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**